

Số: /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền
giải quyết của ngành Thanh tra trên địa bàn thành phố Đồng Nai**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị định 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 700/QĐ-TTCP ngày 09 tháng 10 năm 2019 của Thanh tra Chính phủ về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực giải quyết tố cáo thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Thanh tra Chính phủ;

Căn cứ Quyết định 70/QĐ-TTCP ngày 08 tháng 3 năm 2021 của Thanh tra Chính phủ về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực phòng chống tham nhũng thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Thanh tra Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 424/QĐ-TTCP ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Thanh tra Chính phủ về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực giải quyết khiếu nại thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Thanh tra Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 194/QĐ-TTCP ngày 20 tháng 3 năm 2022 của Thanh tra Chính phủ về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực xử lý đơn thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Thanh tra Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 193/QĐ-TTCP ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Thanh tra Chính phủ về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực tiếp công dân thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Thanh tra Chính phủ;

Căn cứ Quyết định 587/QĐ-TTCP ngày 25/6/2025 của Thanh tra Chính phủ về việc công bố TTHC cấp xã được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra thành phố tại Tờ trình số 01/TTr-TT ngày 06 tháng 5 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính (TTHC) thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Thanh tra trên địa bàn thành phố Đồng Nai, cụ thể:

- Danh mục thủ tục hành chính cấp tỉnh: 05 TTHC.
- Danh mục thủ tục hành chính dùng chung (cấp tỉnh, cấp xã): 04 TTHC.
- Danh mục thủ tục hành chính cấp xã: 04 TTHC.

(Chi tiết tại phụ lục Danh mục thủ tục hành chính kèm theo).

Trường hợp thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ thì áp dụng thực hiện theo văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này được thực hiện theo thời điểm có hiệu lực tại Quyết định số 700/QĐ-TTCP ngày 09 tháng 10 năm 2019, Quyết định số 70/QĐ-TTCP ngày 08 tháng 3 năm 2021, Quyết định số 424/QĐ-TTCP ngày 29 tháng 7 năm 2021, Quyết định số 194/QĐ-TTCP ngày 20 tháng 3 năm 2022, Quyết định số 193/QĐ-TTCP ngày 20 tháng 5 năm 2022, Quyết định số 587/QĐ-TTCP ngày 25/6/2025 của Thanh tra Chính phủ.

Các thủ tục hành chính tương ứng đã công bố tại Quyết định số 3184/QĐ-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2021, Quyết định số 1544/QĐ-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2022 và Quyết định số 2246/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2025 hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Thanh tra thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm niêm yết công khai Danh mục thủ tục hành chính đã được công bố thuộc thẩm quyền giải quyết trên Trang thông tin điện tử và tại trụ sở làm việc của đơn vị, địa phương; phối hợp đơn vị liên quan rà soát, đảm bảo thực hiện đúng quy trình nội bộ giải quyết TTHC

được cơ quan có thẩm quyền công bố; triển khai tiếp nhận và xử lý hồ sơ, TTHC cho cá nhân, tổ chức theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Chánh Thanh tra thành phố; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thanh tra Chính phủ;
- Cục KSTTHC (Bộ Tư pháp);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND thành phố;
- Chánh VP, các PCVP UBND thành phố;
- Lưu: VT, HCC, NC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Trường Sơn

PHỤ LỤC
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH THANH TRA.
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của Chủ tịch UBND thành phố Đồng Nai)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH: 05 TTHC

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	DVCTT	Ghi chú
1	1.010943	Thủ tục tiếp công dân tại cấp tỉnh	10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, người tiếp công dân có trách nhiệm trả lời trực tiếp hoặc thông báo bằng văn bản đến người đã đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.	Trình bày trực tiếp hoặc nộp đơn tại trụ sở tiếp công dân (Ban Tiếp công dân thành phố, và địa điểm tiếp công dân của Thanh tra thành phố).	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Ban Tiếp công dân thành phố; Thanh tra thành phố	Không	Luật Tiếp công dân năm 2013; Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tiếp công dân; Thông tư số 04/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 quy định quy trình tiếp công dân	Một phần	
2	2.002407	Thủ tục Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp tỉnh	Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính (Địa chỉ: Thanh tra thành phố: Số 225 đường Võ Thị Sáu - Phường	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND thành phố, Chánh Thanh tra thành phố và cấp tương đương. - Cơ quan trực tiếp	Không	Luật Khiếu nại 2011; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại 2011	Một phần	Theo Điều 28 Luật Khiếu nại năm 2011

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	DVCTT	Ghi chú
			quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý. Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thì thời hạn giải quyết khiếu nại không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý.	Trần Biên-thành phố Đồng Nai)	<i>thực hiện: Thanh tra thành phố; các phòng, nghiệp vụ thuộc Thanh tra thành phố và cấp tương đương.</i>				
3	2.002411	Thủ tục Giải quyết khiếu nại lần hai tại cấp tỉnh	Thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý. Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thì thời	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính (Địa chỉ: Thanh tra thành phố: Số 225 đường Võ Thị Sáu - Phường Trần Biên-thành phố Đồng Nai)	- <i>Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND thành phố, Chánh Thanh tra và cấp tương đương.</i> - <i>Cơ quan trực tiếp thực hiện: Thanh tra thành phố; các phòng, nghiệp vụ thuộc Thanh tra thành phố và cấp tương đương</i>	Không	- Luật Khiếu nại 2011; - Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại 2011.	Một phần	Theo Điều 37 Luật Khiếu nại năm 2011

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	DVCTT	Ghi chú
			hạn giải quyết khiếu nại không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 70 ngày, kể từ ngày thụ lý.						
4	2.002394	Thủ tục Giải quyết tố cáo tại cấp tỉnh	Thời hạn giải quyết tố cáo là không quá 30 ngày kể từ ngày thụ lý tố cáo. Đối với vụ việc phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo một lần nhưng không quá 30 ngày. Đối với vụ việc đặc biệt phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo hai lần, mỗi lần không quá 30 ngày.	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính (Địa chỉ: Thanh tra thành phố: Số 225 đường Võ Thị Sáu - Phường Trần Biên-thành phố Đồng Nai)	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND thành phố. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Chánh Thanh tra thành phố; các phòng, nghiệp vụ thuộc Thanh tra thành phố và cấp tương đương	Không	Luật Tố cáo năm 2018; Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo.	Một phần	Theo Điều 30 Luật Tố cáo năm 2018
5	2.002499	Thủ tục xử lý đơn tại	10 ngày	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định:	Không	Luật Khiếu nại năm 2011, Luật tố cáo số	Một	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	DVCTT	Ghi chú
		cấp tỉnh		dịch vụ bưu chính (Địa chỉ: Thanh tra thành phố: Số 225 đường Võ Thị Sáu - Phường Trần Biên-thành phố Đồng Nai)	<i>Chủ tịch UBND thành phố, Chánh Thanh tra thành phố; Giám đốc sở.</i> <i>- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Ban tiếp công dân cấp Thành phố, bộ phận xử lý đơn thư thuộc Thanh tra thành phố</i>		năm 2018; Luật tiếp công dân năm 2013; Nghị định 124/2020/NĐ-CP; Nghị định số 31/2019/NĐ-CP; Nghị định số 64/2014/NĐ-CP; Thông tư số 05/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh.	phần	
B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ: 04 TTHC									
1	1.010945	Thủ tục tiếp công dân tại cấp xã	Thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, người tiếp công dân có trách nhiệm trả lời trực tiếp hoặc thông báo bằng văn bản đến người đã đến	Trình bày trực tiếp hoặc nộp đơn tại trụ sở tiếp công dân cấp xã	<i>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch/UBND cấp xã, Trưởng các phòng, ban chuyên môn cấp xã.</i> <i>- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Bộ phận tiếp công dân và các phòng, ban</i>	Không	Luật Tiếp công dân năm 2013; Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tiếp công dân; Thông tư số 04/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 quy định	Một phần	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	DVCTT	Ghi chú
			khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.		<i>chuyên môn cấp xã.</i>		quy trình tiếp công dân		
2	2.002409	Thủ tục Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã	Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý. Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thì thời hạn giải quyết khiếu nại không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý.	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: <i>Chủ tịch /UBND cấp xã.</i> - Cơ quan trực tiếp thực hiện: <i>UBND cấp xã</i>	Không	Luật Khiếu nại 2011; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020	Một phần	Theo Điều 28 Luật Khiếu nại năm 2011

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	DVCTT	Ghi chú
3	2.002396	Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp xã	Thời hạn giải quyết tố cáo là không quá 30 ngày kể từ ngày thụ lý tố cáo. Đối với vụ việc phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo một lần nhưng không quá 30 ngày. Đối với vụ việc đặc biệt phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo hai lần, mỗi lần không quá 30 ngày.	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: <i>Chủ tịch/UBND cấp xã</i> - Cơ quan trực tiếp thực hiện: <i>UBND cấp xã</i>	Không	Luật Tố cáo năm 2018; Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019	Một phần	Theo Điều 30 Luật Tố cáo năm 2018
4	2.002501	Thủ tục xử lý đơn tại cấp xã	10 ngày	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: <i>Chủ tịch/UBND cấp xã</i> . - Cơ quan trực tiếp thực hiện: <i>UBND cấp xã</i> .	Không	Luật Khiếu nại năm 2011, Luật tố cáo số năm 2018; Luật tiếp công dân năm 2013; Nghị định 124/2020/NĐ-CP; Nghị định số 31/2019/NĐ-CP; Nghị định số 64/2014/NĐ-CP; Thông tư số 05/2021/TT-TTCT	Một phần	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	DVCTT	Ghi chú
							ngày 01/10/2021 quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh.		
C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH VÀ CẤP XÃ: 04 TTHC									
1	2.002400	Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập;	12 tháng	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính	<i>Cơ quan nhà nước các cấp; các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan hành chính nhà nước; các doanh nghiệp nhà nước phải thực hiện tổ chức triển khai việc kê khai tài sản, thu nhập.</i>	Không	Luật phòng chống tham nhũng số 36/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018; Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; Công văn số 252/TTCP-C.IV ngày 19/2/2021 của Thanh tra Chính phủ.	Một phần	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	DVCTT	Ghi chú
2	2.002401	Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập	Xác minh tài sản, thu nhập được thực hiện tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý người có nghĩa vụ kê khai. Không quá 115 ngày (trong đó thời hạn xác minh là 45 ngày, trường hợp phức tạp thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 90 ngày; thời hạn ban hành kết luận là 10 ngày, trường hợp phức tạp có thể kéo dài nhưng không quá 20 ngày; thời hạn công khai kết luận là 05 ngày làm việc)	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính	<i>Cơ quan nhà nước các cấp; các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan hành chính nhà nước; các doanh nghiệp nhà nước phải thực hiện tổ chức triển khai việc kê khai tài sản, thu nhập.</i>	Không	Luật phòng chống tham nhũng số 36/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018; Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; Công văn số 252/TTCP-C.IV ngày 19/2/2021 của Thanh tra Chính phủ.	Một phần	
3	2.002402	Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình	Thời hạn ra thông báo tiếp nhận hoặc từ chối giải trình là 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận yêu cầu giải trình	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính	<i>Cơ quan nhà nước các cấp; các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan hành chính nhà nước; các doanh nghiệp nhà nước phải thực hiện tổ</i>	Không	Luật phòng chống tham nhũng số 36/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018; Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm	Một phần	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	DVCTT	Ghi chú
					<i>chức triển khai việc kê khai tài sản, thu nhập.</i>		2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; Công văn số 252/TTCP-C.IV ngày 19/2/2021 của Thanh tra Chính phủ.		
4	2.002403	Thủ tục thực hiện việc giải trình	Thời hạn thực hiện việc giải trình không quá 15 ngày kể từ ngày ra thông báo tiếp nhận yêu cầu giải trình. Trường hợp có nội dung phức tạp thì có thể gia hạn 01 lần, thời gian gia hạn không quá 15 ngày và phải thông báo bằng văn bản đến người yêu cầu giải trình. - Trường hợp yêu cầu giải trình trực tiếp có	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính	<i>Cơ quan nhà nước các cấp; các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan hành chính nhà nước; các doanh nghiệp nhà nước phải thực hiện tổ chức triển khai việc kê khai tài sản, thu nhập.</i>	Không	Luật phòng chống tham nhũng số 36/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018; Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; Công văn số 252/TTCP-C.IV ngày 19/2/2021 của Thanh tra Chính phủ.	Một phần	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	DVCTT	Ghi chú
			nội dung đơn giản thì việc giải trình có thể thực hiện bằng hình thức trực tiếp nhưng phải được lập thành biên bản có chữ ký hoặc điểm chỉ của các bên. - Giải trình được thực hiện bằng ban hành văn bản giải trình.						